

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM**

**HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

THÔNG TƯ

Quy định về quản lý, khai thác vận tải đường sắt thay thế Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT ngày 26/01/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và Thông tư số 20/2025/TT-BXD ngày 15/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

(Kèm theo văn bản số .../ĐKVN-ĐS ngày 06/8/2025 của Cục ĐKVN)

(Theo Thông tư 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của thủ tục hành chính trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật)

Mẫu số 01/ĐGTD-BC. Bản đánh giá thủ tục hành chính của dự án, dự thảo văn bản

CỤC ĐĂNG KIỂM VIỆT NAM

Mẫu số 01/ĐGTD-BC

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT THAY THẾ THÔNG TƯ SỐ 01/2024/TT-BGTVT NGÀY 26/01/2024 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GTVT QUY ĐỊNH VỀ VIỆC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT VÀ THÔNG TƯ SỐ 20/2025/TT-BXD NGÀY 15/7/2025 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC THÔNG TƯ VỀ LĨNH VỰC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

I. Xác định vấn đề tổng quan

1.1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Đường sắt sửa đổi số 06/2017/QH14 được Quốc hội khóa 14 ban hành tại kỳ họp thứ 3 đã quy định giao Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về kiểm tra, cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt (khoản 4 Điều 32). Ngày 14/5/2018, Bộ trưởng Bộ GTVT đã ban hành Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt. Ngày 26/01/2024, Bộ trưởng Bộ GTVT đã ban hành Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT quy định về việc kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt thay thế Thông tư số 29/2018/TT-BGTVT.

Từ khi Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT có hiệu lực thi hành (15/3/2024), Cục ĐKVN đã thực hiện 02 thủ tục hành chính cấp, cấp lại giấy chứng nhận về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho 5735 lượt phương tiện giao thông đường sắt (tính đến hết 31/7/2025). Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT về cơ bản đáp ứng được yêu cầu của việc quản lý, đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt. Tuy nhiên trong thời gian qua, có một số yếu tố khách quan ảnh hưởng đến lĩnh vực đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt như:

- Việc sáp nhập Bộ Giao thông vận tải và Bộ Xây dựng thành Bộ Xây dựng, dẫn tới tên Bộ Giao thông vận tải trong các loại biểu mẫu, quy định cũng cần phải được cập nhật lại thành Bộ Xây dựng.

- Luật Đường sắt số 95/2025/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 27/6/2025, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. Để đảm bảo hiệu lực thi hành đồng thời với Luật Đường sắt từ ngày 01/01/2026, cần thiết phải rà soát ban hành lại Thông tư quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương

tiện giao thông đường sắt (Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT ngày 26/01/2024 và Thông tư số 20/2025/TT-BXD ngày 15/7/2025).

- Luật Đường sắt 2025 đã quy định lại hệ thống đường sắt Việt Nam gồm đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương, đường sắt chuyên dùng. Do đó, cần phải cập nhật lại phạm vi điều chỉnh của Thông tư cho phù hợp với việc phân loại hệ thống đường sắt Việt Nam trong Luật Đường sắt 2025. Ngoài ra, các quy định trong Thông tư hiện chỉ phù hợp đối với linh kiện, phương tiện giao thông đường sắt có vận tốc thiết kế không lớn hơn 120 km/h nên cũng cần phải làm rõ phạm vi điều chỉnh. Đối với phương tiện giao thông đường sắt có vận tốc thiết kế lớn hơn 120 km/h, Cục ĐKVN sẽ tiếp tục nghiên cứu trong quá trình dự án triển khai, được tiếp cận với tài liệu, tiêu chuẩn của dự án để đề xuất quy định nội dung phù hợp.

- Thực hiện Nghị quyết 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026. Thực hiện chỉ đạo tại văn bản số 5240/BXD-VP ngày 17/6/2025 của Bộ Xây dựng về việc hoàn thiện các phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ. Do đó, dự thảo Thông tư đã đề xuất cắt giảm quy định về kiểm tra, chứng nhận đối với linh kiện tín hiệu đuôi tàu và bộ trục bánh xe, cắt giảm thời gian tiếp nhận, kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ đăng ký kiểm tra đối với toa xe đường sắt đô thị sản xuất lắp ráp và nhập khẩu từ 40 ngày xuống còn 25 ngày để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Doanh nghiệp.

1.2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Tuân thủ, cụ thể hóa quy định của Luật Đường sắt 2025 về đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt, gồm kiểm tra, cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt cho từng loại hình kiểm tra nhập khẩu, sản xuất lắp ráp, hoán cải, định kỳ.

Đảm bảo phù hợp và đồng bộ với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan như Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Thay thế Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT ngày 26/01/2024 và Thông tư số 20/2025/TT-BXD ngày 15/7/2025 nhằm giải quyết một số vấn đề như đã nêu ở trên, đồng thời góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đường sắt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

II. Đánh giá tác động của từng thủ tục hành chính

Đối với những thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung:

Theo Báo cáo tổng hợp kết quả đánh giá tác động của thủ tục hành chính được quy định chi tiết tại Biểu mẫu số 03/ĐGTD-QĐCT/SĐBS Phụ lục II kèm theo Thông

tư và chi phí tuân thủ thủ tục hành chính được quy định chi tiết tại Biểu mẫu số 04/ĐGTD-SCM Phụ lục II kèm theo Thông tư, nội dung Dự thảo tập trung chủ yếu giải quyết những vấn đề của Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT tại các điều 10, 11, 12, 13, 14 quy định về trình tự cấp giấy chứng nhận và tem kiểm định.

III. Lấy ý kiến

Hồ sơ xây dựng thông tư đang được lấy ý kiến của cơ quan kiểm soát thủ tục hành chính cùng cấp (Văn phòng Bộ GTVT, Vụ Pháp chế) theo quy định của pháp luật về kiểm soát thủ tục hành chính và các cá nhân, tổ chức khác có liên quan về dự thảo Bản đánh giá thủ tục hành chính của dự án, dự thảo văn bản.

BIỂU MẪU ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT THAY THẾ THÔNG TƯ SỐ 01/2024/TT-BGTVT NGÀY 26/01/2024 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GTVT QUY ĐỊNH VỀ VIỆC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT VÀ THÔNG TƯ SỐ 20/2025/TT-BXD NGÀY 15/7/2025 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC THÔNG TƯ VỀ LĨNH VỰC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

Tên dự án, dự thảo: Thông tư quy định về quản lý, khai thác vận tải đường sắt thay thế Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT ngày 26/01/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về việc kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt và Thông tư số 20/2025/TT-BXD ngày 15/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư về lĩnh vực kiểm tra chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 1: Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ <i>(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn bản quy định)</i>	Khoản 1, khoản 4 Điều 47 Luật Đường sắt 2025: 1. Phương tiện giao thông đường sắt khi tham gia giao thông phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, còn niên hạn sử dụng và có đăng ký, đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt. 4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết Điều này.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN TẠO THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Tên thủ tục hành chính: Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể phù	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/>

hợp không?	<p>Nêu rõ lý do:</p> <p>+ Điểm d khoản 4 Điều 32 Luật Đường sắt 2017 quy định rõ tên thủ tục hành chính “Kiểm tra, cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt”. Tuy nhiên, Luật Đường sắt 2025 đã được xây dựng lại theo hướng Luật khung, chỉ nêu ra vấn đề “Phương tiện giao thông đường sắt khi tham gia giao thông <u>phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, còn niên hạn sử dụng và có đăng ký, đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt</u>” và giao “Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết Điều này”.</p> <p>+ Trên cơ sở kế thừa Luật Đường sắt 2017 (quy định chi tiết), Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT hiện đang thực hiện ổn định, duy trì tốt công tác quản lý nhà nước về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với linh kiện, phương tiện giao thông đường sắt. Cục Đăng kiểm Việt Nam đề xuất kế thừa nội dung của Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT và cắt giảm quy định về kiểm tra, chứng nhận đối với linh kiện tín hiệu đầu tàu và bộ trục bánh xe theo chỉ đạo của Nghị quyết 66/NQ-CP để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp đường sắt.</p> <p>+ Về tên thủ tục hành chính: Đề nghị vẫn giữ nguyên như tên thủ tục hành chính trong Luật Đường sắt 2017 “Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt”.</p>
2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>+ Trong dự thảo Thông tư đã quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14. Cấp giấy chứng nhận và tem kiểm định.</p>
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>+ Trong dự thảo Thông tư đã quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của</p>

	cơ quan nhà nước và tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính này tại Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 23, Điều 24, Điều 25.
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>+ Việc kiểm tra phương tiện giao thông đường sắt được các tổ chức đăng kiểm tại Việt Nam thực hiện để cấp giấy chứng nhận sản phẩm thỏa mãn các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành có áp dụng giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, liên thông trả kết quả cho khách hàng và các cơ quan có liên quan khác theo quy định, tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, tổ chức khi thực hiện.</p>
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định:</p> <p>+ Tại khoản 4 Điều 11, Điều 12 dự thảo Thông tư “Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra linh kiện, phương tiện tại hiện trường theo các nội dung của quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng. Kết thúc kiểm tra hiện trường, Cơ quan kiểm tra lập Biên bản xác nhận kiểm tra hiện trường theo mẫu quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Thông tư này”.</p> <p>+ Tại khoản 3 Điều 13, Điều 14 dự thảo Thông tư “Cơ quan kiểm tra tiến hành kiểm tra phương tiện tại hiện trường theo các nội dung hoán cải của phương tiện so với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia tương ứng”.</p> <p>- Lý do quy định:</p> <p>+ Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, Thông tư số 62/2024/TT-BGTVT, phương tiện giao thông đường sắt thuộc danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ Giao thông vận tải cần phải được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định trước khi thông quan hoặc trước khi đưa ra thị trường.</p> <p>+ Căn cứ Điều 5 Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN, Phương thức kiểm tra trong dự thảo Thông tư phù hợp với “Phương thức 8: Kiểm định toàn bộ sản phẩm, hàng hóa”.</p>

	<p>+ Nội dung của các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng của từng loại phương tiện có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế (QCVN 15:2023/BGTVT, QCVN 16:2023/BGTVT, QCVN 18:2023/BGTVT)</p> <p>- Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:</p>
3. Cách thức thực hiện	
<p>a) Nộp hồ sơ:</p> <p>Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>b) Nhận kết quả:</p> <p>Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/></p>	<p>- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>+ Được quy định tại khoản 1 Điều 11, Điều 12, Điều 13, Điều 14 dự thảo Thông tư:</p> <p>1. Cơ sở sản xuất/doanh nghiệp nhập khẩu/cơ sở sửa chữa lập 01 bộ hồ sơ đăng ký kiểm tra theo quy định tại Điều 10 của Thông tư này và nộp cho Cơ quan kiểm tra <u>bằng hình thức gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua cổng dịch vụ công</u>.</p> <p>- Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>+ Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, tổ chức khi thực hiện.</p>
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đăng ký kiểm tra	<p>- Nêu rõ lý do quy định:</p> <p>+ Cơ sở sản xuất/doanh nghiệp nhập khẩu/cơ sở sửa chữa cần có văn bản đăng ký cụ thể làm căn cứ cho Tổ chức đăng kiểm xem xét kiểm tra, chứng nhận.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức:</p> <p>+ Theo mẫu quy định tại Phụ lục II.</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>+ Bảo đảm xác thực các thông tin phục vụ trong công tác quản lý.</p>
b) Tên thành phần hồ sơ 2: Báo cáo kết	- Nêu rõ lý do quy định:

quả kiểm tra hoặc báo cáo kết quả thử nghiệm	<p>+ Cơ sở sản xuất/doanh nghiệp nhập khẩu/cơ sở sửa chữa cần phải cung cấp các báo cáo kết quả kiểm tra hoặc báo cáo kết quả thử nghiệm của linh kiện, phương tiện và cam kết về tính pháp lý của các báo cáo để làm căn cứ cho Tổ chức đăng kiểm đánh giá sự phù hợp.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức:</p> <p>+ Bản chính hoặc bản sao có giá trị pháp lý hoặc bản điện tử có giá trị pháp lý.</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>+ Bảo đảm xác thực các thông tin phục vụ trong công tác quản lý.</p>
c) Tên thành phần hồ sơ 3: Tài liệu kỹ thuật của linh kiện, phương tiện	<p>- Nêu rõ lý do quy định:</p> <p>+ Cơ sở sản xuất/doanh nghiệp nhập khẩu/cơ sở sửa chữa cần phải cung cấp các loại tài liệu kỹ thuật của linh kiện, phương tiện để làm căn cứ cho Tổ chức đăng kiểm đánh giá sự phù hợp.</p> <p>- Yêu cầu về hình thức:</p> <p>+ Theo mẫu quy định tại Phụ lục III.</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>+ Bảo đảm xác thực các thông tin phục vụ trong công tác quản lý.</p>
d) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ:</p> <p>+ Hồ sơ gồm 3 thành phần được quy định chi tiết, cụ thể và rõ ràng tại Điều 11 đi kèm với các Phụ lục II, III góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đường sắt trong công tác chuẩn bị hồ sơ và chuẩn bị điều kiện kiểm tra linh kiện, phương tiện.</p>
Số lượng bộ hồ sơ: 01 Bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):
5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính:</p> <p>- Đối với kiểm tra sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu: Được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 11, Điều 12 trong Dự thảo Thông tư</p>

	<ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra thành phần hồ sơ trong vòng một (01) ngày làm việc, riêng đối với toa xe đường sắt đô thị trong vòng năm (05) ngày làm việc. Cắt giảm năm (05) ngày làm việc so với Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT. + Kiểm tra nội dung hồ sơ trong vòng năm (05) ngày làm việc, riêng đối với toa xe đường sắt đô thị trong vòng hai mươi (20) ngày làm việc. Cắt giảm mười (10) ngày so với Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT. + Cấp giấy chứng nhận trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. - Đối với kiểm tra hoán cải: Được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 13 trong Dự thảo Thông tư. + Kiểm tra thành phần hồ sơ trong vòng một (01) ngày làm việc. + Cấp giấy chứng nhận trong vòng ba (03) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. - Đối với kiểm tra định kỳ: Được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 14 trong Dự thảo Thông tư. + Kiểm tra thành phần hồ sơ trong vòng một (01) ngày làm việc. + Cấp giấy chứng nhận trong vòng hai (02) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. <p>Lý do quy định:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Việc kiểm tra nội dung hồ sơ sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, hoán cải cần xem xét đến tài liệu thiết kế, báo cáo kết quả kiểm tra của từng công đoạn hoặc các tài liệu nhập khẩu liên quan. + Đối với toa xe đường sắt đô thị, hồ sơ sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu sẽ là hồ sơ cho cả đoàn tàu gồm nhiều toa xe đường sắt đô thị theo cấu hình khai thác.
b) Trong trường hợp một thủ tục hành chính do nhiều cơ quan có thẩm quyền giải quyết, đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết của từng cơ quan và thời hạn chuyển giao hồ sơ giữa các cơ quan?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định:</p> <p>Thủ tục hành chính này do một cơ quan có thẩm quyền giải quyết và đã quy định rõ ràng, đầy đủ thời hạn giải quyết.</p>

6. Đối tượng thực hiện

a) Đối tượng thực hiện:

- Tổ chức: Trong nước ☒ Nước ngoài ☒

Mô tả rõ:

+ Các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, kiểm tra, chứng nhận, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, khai thác linh kiện, phương tiện giao thông đường sắt (Điều 2 dự thảo Thông tư).

Lý do quy định:

+ Về đối tượng: Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, sửa chữa định kỳ và khai thác linh kiện sử dụng trên phương tiện giao thông, phương tiện giao thông đường sắt vận hành trên các hệ thống đường sắt và các tổ chức liên quan đến quản lý, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với linh kiện sử dụng trên phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt quy định tại Điều 1 Thông tư này.

+ Về phạm vi: Thông tư này quy định về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với linh kiện sử dụng trên phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt trong kiểm tra sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, hoán cải, định kỳ để vận hành trên đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng không nối ray với đường sắt quốc gia có đi qua khu dân cư, giao cắt với đường bộ. Thông tư này không áp dụng đối với linh kiện lắp trên phương tiện giao thông đường sắt nhập khẩu nguyên chiếc.

- Cá nhân: Trong nước ☐ Nước ngoài ☐

Mô tả rõ:

+ Không quy định

Lý do quy định:

+ Không quy định

- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:

	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Phù hợp với thực tế tình hình giao thông đường sắt hiện nay.
b) Phạm vi áp dụng:	- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> - Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/> - Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/> - Lý do quy định: + Theo Luật Đường sắt 20225: Hệ thống đường sắt Việt Nam gồm: đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương, đường sắt chuyên dùng. + Hệ thống đường sắt trải dài trên toàn quốc, chạy qua nhiều tỉnh, thành phố. - Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: Phù hợp với thực tế tình hình giao thông đường sắt hiện nay.
c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 210 linh kiện/năm và 4060 phương tiện/1 năm (trong đó: khoảng 75 phương tiện sản xuất, lắp ráp, 25 phương tiện nhập khẩu, 60 phương tiện hoán cải, 3900 phương tiện định kỳ).	
7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do quy định: + Khoản 1, khoản 4 Điều 47 Luật Đường sắt 2025: 1. Phương tiện giao thông đường sắt khi tham gia giao thông phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, còn niên hạn sử dụng và có đăng ký, đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt. 4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết Điều này. + Khoản 8 Điều 3 dự thảo Thông tư: Cơ quan kiểm tra là tổ chức đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và

	bảo vệ môi trường cho linh kiện, phương tiện giao thông đường sắt.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>+ Do đặc thù của ngành đường sắt là hoạt động trải dài trên phạm vi cả nước, số lượng phương tiện phải kiểm định hàng năm ít (khoảng 75 phương tiện sản xuất, lắp ráp, 25 phương tiện nhập khẩu, 60 phương tiện hoán cải, 3900 phương tiện định kỳ). Nếu thực hiện xã hội hóa thì sẽ không thu hút được tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư vào hoạt động kiểm định phương tiện giao thông đường sắt vì không hiệu quả, công việc chuyên môn đặc thù. Nếu thực hiện phân cấp, phân quyền cho địa phương thực hiện thì sẽ gây khó khăn cho địa phương, lãng phí nguồn lực cả về con người và cơ sở vật chất do tính chất chuyên môn đặc thù và sản lượng quá thấp.</p>
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	<p>- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu CÓ, nêu rõ lý do:</p> <p>.....</p> <p>- Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu CÓ, nêu rõ lý do:</p> <p>.....</p> <p>- Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu CÓ, nêu rõ lý do:</p> <p>.....</p> <p>- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):</p> <p>+ Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): Theo quy định của Thông tư số 236/2016/TT-BTC quy định về giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, linh kiện giao thông đường sắt.</p>

	<p>+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): 50 000 VNĐ theo quy định của Thông tư số 199/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, linh kiện, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> <p>+ Mức chi phí khác (hoặc đính kèm biểu phí): Theo quy định của Thông tư số 236/2016/TT-BTC quy định về giá dịch vụ thẩm định thiết kế, kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện, linh kiện giao thông đường sắt.</p> <p>+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do: Giá dịch vụ kiểm định chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông đường sắt được quy định từ năm 2016 không còn phù hợp với thời điểm hiện nay, chưa đủ bù đắp chi phí và mang tính phục vụ khi cơ quan nhà nước thực hiện giải quyết thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp đường sắt.</p> <p>- Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: Đã được quy định tại Thông tư số 236/2016/TT-BTC, Thông tư số 199/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p>
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nội dung quy định:</p> <p>Không</p> <p>Lý do không quy định:</p> <p>Đã được quy định tại Thông tư số 236/2016/TT-BTC, Thông tư số 199/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p>
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>+ Để chuẩn hóa mẫu đơn, tờ khai dưới dạng e-form thực hiện qua cổng dịch vụ công.</p> <p>+ Bảo đảm xác thực các thông tin phục vụ trong công tác quản lý.</p>

b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đăng ký kiểm tra	<p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin 1: Thông tin cơ bản về tổ chức đề nghị kiểm tra như: Tên tổ chức, người đại diện pháp luật, địa chỉ, mã số thuế, điện thoại, email.</p> <p>Lý do quy định: Cơ quan kiểm tra cần phải biết một số thông tin cơ bản trên của tổ chức đề nghị kiểm tra để có thể liên hệ và trả kết quả khi cần.</p> <p>+ Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị kiểm tra và Hồ sơ kèm theo.</p> <p>Lý do quy định: Cơ quan kiểm tra cần phải biết nội dung đăng ký kiểm tra của tổ chức đăng ký kiểm tra và hồ sơ kèm theo.</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:</p> <p>+ Công ty chúng tôi cam kết các nội dung khai báo nêu trên là sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai báo trước pháp luật. Lãnh đạo Tổ chức/doanh nghiệp xác nhận.</p> <p>Lý do quy định: Để bảo đảm xác thực các thông tin phục vụ trong công tác quản lý.</p>
c) Ngôn ngữ	<p>- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ loại song ngữ:</p> <p>Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):</p>
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định:</p>
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	<p>- Giấy phép <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy chứng nhận <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Giấy đăng ký <input type="checkbox"/></p> <p>- Chứng chỉ <input type="checkbox"/></p>

	- Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy <input checked="" type="checkbox"/> Bản điện tử <input checked="" type="checkbox"/>
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Mẫu giấy chứng nhận được quy định rõ tại Phụ lục VIII để thống nhất quản lý khi thực hiện thủ tục đăng kiểm trực tiếp hoặc trực tuyến (điện tử), liên thông trả kết quả cho khách hàng, cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan khác.
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: Theo chu kỳ kiểm tra quy định tại Phụ lục I trong dự thảo Thông tư + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: + Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có hiệu lực đối với tất cả đối tượng kiểm tra trên phạm vi toàn quốc.

IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ

Họ và tên người điền: Lê Thiết Huân

Điện thoại cố định: 0243. 7684715 (807); Di động: 097 334 8180; Email: huanvr@gmail.com

THỦ TỤC HÀNH CHÍNH 2: Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ	Khoản 1, khoản 4 Điều 47 Luật Đường sắt 2025:
(Nêu rõ điều, khoản, điểm và tên văn)	1. Phương tiện giao thông đường sắt khi tham gia giao thông phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy

<i>bản quy định)</i>	chuẩn kỹ thuật, còn niên hạn sử dụng và có đăng ký, đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt. 4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết Điều này.
II. ĐÁNH GIÁ TÍNH HỢP LÝ CỦA TỪNG BỘ PHẬN CẤU THÀNH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH <i>(Đối với bộ phận thủ tục hành chính được quy định chi tiết hoặc được sửa đổi, bổ sung thì đánh giá; bộ phận thủ tục hành chính không được quy định chi tiết hoặc không sửa đổi, bổ sung thì không đánh giá và xóa bỏ khỏi Biểu mẫu)</i>	
1. Tên thủ tục hành chính: Cấp lại Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt	
Có được quy định rõ ràng, cụ thể phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: + Điểm d khoản 4 Điều 32 Luật Đường sắt 2017 quy định rõ tên thủ tục hành chính “Kiểm tra, cấp, cấp lại, thu hồi giấy chứng nhận về chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt”. Tuy nhiên, Luật Đường sắt 2025 đã được xây dựng lại theo hướng Luật khung, chỉ nêu ra vấn đề “Phương tiện giao thông đường sắt khi tham gia giao thông <u>phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, còn niên hạn sử dụng và có đăng ký, đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt</u> ” và giao “Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết Điều này”. + Trên cơ sở kế thừa Luật Đường sắt 2017 (quy định chi tiết), Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT hiện đang thực hiện ổn định, duy trì tốt công tác quản lý nhà nước về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với linh kiện, phương tiện giao thông đường sắt. Cục Đăng kiểm Việt Nam đề xuất kế thừa nội dung của Thông tư số 01/2024/TT-BGTVT và cắt giảm quy định về kiểm tra, chứng nhận đối với linh kiện tín hiệu đuôi tàu và bộ trục bánh xe theo chỉ đạo của Nghị quyết 66/NQ-CP để tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp đường sắt. + Về tên thủ tục hành chính: Đề nghị vẫn giữ nguyên như tên thủ tục hành chính trong Luật Đường sắt 2017 “Cấp lại giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt”.

2. Trình tự thực hiện	
a) Có được quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: + Trong dự thảo Thông tư đã quy định rõ ràng và cụ thể về các bước thực hiện trong Điều 15. Cấp lại giấy chứng nhận.
b) Có được quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và cá nhân, tổ chức khi thực hiện không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: + Trong dự thảo Thông tư đã quy định, phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của cơ quan nhà nước và tổ chức khi thực hiện thủ tục hành chính cấp lại giấy chứng nhận tại Điều 15.
d) Có áp dụng cơ chế liên thông không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: + Có áp dụng giải quyết thủ tục hành chính cấp lại giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt trên môi trường điện tử, liên thông trả kết quả cho khách hàng và các cơ quan có liên quan khác theo quy định, tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, tổ chức khi thực hiện.
e) Có quy định việc kiểm tra, đánh giá, xác minh thực tế của cơ quan nhà nước không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu CÓ, nêu rõ nội dung quy định: - Lý do quy định: - Các biện pháp có thể thay thế: Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nếu CÓ, nêu rõ lý do vẫn quy định như tại dự án, dự thảo:
3. Cách thức thực hiện	
a) Nộp hồ sơ: Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/> b) Nhận kết quả:	- Có được quy định rõ ràng, cụ thể không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: + Được quy định tại Điều 15 dự thảo Thông tư:

Trực tiếp <input checked="" type="checkbox"/> Bưu chính <input checked="" type="checkbox"/> Điện tử <input checked="" type="checkbox"/>	a) Cơ sở sản xuất, doanh nghiệp nhập khẩu, cơ sở sửa chữa, chủ sở hữu phương tiện, chủ khai thác phương tiện lập 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này, nộp cho Cơ quan kiểm tra bằng hình thức gửi <u>trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua công dịch vụ công</u> ; b) Cơ quan kiểm tra kiểm tra hồ sơ, tiếp nhận và trả kết quả trong vòng một (01) ngày làm việc. Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, Cơ quan kiểm tra hướng dẫn để doanh nghiệp hoàn thiện hồ sơ ngay trong ngày làm việc. - Có được quy định phù hợp và tạo thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, cá nhân, tổ chức khi thực hiện không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: + Tạo điều kiện thuận lợi, tiết kiệm chi phí cho cơ quan nhà nước, tổ chức khi thực hiện.
4. Thành phần, số lượng hồ sơ	
a) Tên thành phần hồ sơ 1: Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận	- Nêu rõ lý do quy định: + Doanh nghiệp cần có văn bản đề nghị cụ thể và cam kết về các nội dung đã khai báo để làm căn cứ cho cho Tổ chức đăng kiểm xem xét cấp lại giấy chứng nhận. - Yêu cầu về hình thức: + Theo mẫu quy định tại Phụ lục XI. Lý do quy định: + Bảo đảm xác thực các thông tin phục vụ trong công tác quản lý.
b) Các giấy tờ, tài liệu để chứng minh việc đáp ứng yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính có được quy định rõ ràng, cụ thể ở thành phần hồ sơ của thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ: + Hồ sơ chỉ cần đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận được quy định cụ thể và rõ ràng tại Điều 15 tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp đường sắt trong công tác cấp lại giấy chứng nhận khi bị mất, hỏng; có sai sót thông tin trên Giấy chứng nhận hoặc doanh nghiệp thay đổi địa chỉ, tên doanh nghiệp mà vẫn còn hiệu lực.
Số lượng bộ hồ sơ: 01 Bộ	Lý do (nếu quy định từ 02 bộ hồ sơ trở lên):

5. Thời hạn giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể và phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Nêu rõ thời hạn giải quyết thủ tục hành chính: Được quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 trong Dự thảo Thông tư + Kiểm tra hồ sơ, tiếp nhận và trả kết quả trong vòng một (01) ngày làm việc. Lý do quy định: + Thời hạn giải quyết thủ tục hành chính cần phải minh bạch, rõ ràng từ khâu kiểm tra thành phần, nội dung hồ sơ cấp lại Giấy chứng nhận để doanh nghiệp biết và chuẩn bị. + Cục ĐKVN căn cứ vào thời hạn, các thông tin trên GCN để thực hiện việc cấp lại hoặc ra thông báo không cấp lại.
6. Đối tượng thực hiện	
a) Đối tượng thực hiện:	- Tổ chức: Trong nước <input checked="" type="checkbox"/> Nước ngoài <input checked="" type="checkbox"/> Mô tả rõ: + Các tổ chức, cá nhân liên quan đến quản lý, kiểm tra, chứng nhận, nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, khai thác linh kiện, phương tiện giao thông đường sắt (Điều 2 dự thảo Thông tư). Lý do quy định: + Về đối tượng: Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân liên quan đến nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp, hoán cải, sửa chữa định kỳ và khai thác linh kiện sử dụng trên phương tiện giao thông, phương tiện giao thông đường sắt vận hành trên các hệ thống đường sắt và các tổ chức liên quan đến quản lý, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với linh kiện sử dụng trên phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt quy định tại Điều 1 Thông tư này. + Về phạm vi: Thông tư này quy định về việc kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với linh kiện sử dụng trên phương tiện giao thông đường sắt, phương tiện giao thông đường sắt trong kiểm tra sản xuất, lắp ráp, nhập khẩu, hoán cải, định kỳ để vận

	<p>hành trên đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị, đường sắt chuyên dùng có nối ray với đường sắt quốc gia và đường sắt chuyên dùng không nối ray với đường sắt quốc gia có đi qua khu dân cư, giao cắt với đường bộ. Thông tư này không áp dụng đối với linh kiện lắp trên phương tiện giao thông đường sắt nhập khẩu nguyên chiếc.</p> <p>- Cá nhân: Trong nước <input type="checkbox"/> Nước ngoài <input type="checkbox"/></p> <p>Mô tả rõ:</p> <p>+ Không quy định</p> <p>Lý do quy định:</p> <p>+ Không quy định</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp đối tượng thực hiện không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>Phù hợp với thực tế tình hình giao thông đường sắt hiện nay.</p>
b) Phạm vi áp dụng:	<p>- Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Vùng <input type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/></p> <p>- Nông thôn <input type="checkbox"/> Đô thị <input type="checkbox"/> Miền núi <input type="checkbox"/></p> <p>- Biên giới, hải đảo <input type="checkbox"/></p> <p>- Lý do quy định:</p> <p>+ Theo Luật Đường sắt 2025: Hệ thống đường sắt Việt Nam gồm: đường sắt quốc gia, đường sắt địa phương, đường sắt chuyên dùng.</p> <p>+ Hệ thống đường sắt trải dài trên toàn quốc, chạy qua nhiều tỉnh, thành phố.</p> <p>- Có thể mở rộng/ thu hẹp phạm vi áp dụng không?:</p> <p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ lý do:</p> <p>Phù hợp với thực tế tình hình giao thông đường sắt hiện nay.</p>
c) Dự kiến số lượng đối tượng thực hiện/1 năm: 10 phương tiện/1 năm.	

7. Cơ quan giải quyết	
a) Có được quy định rõ ràng, cụ thể về cơ quan giải quyết thủ tục hành chính không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do quy định: + Khoản 1, khoản 4 Điều 47 Luật Đường sắt 2025: 1. Phương tiện giao thông đường sắt khi tham gia giao thông phải bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, còn niên hạn sử dụng và có đăng ký, đăng kiểm phương tiện giao thông đường sắt. 4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết Điều này. + Khoản 8 Điều 3 dự thảo Thông tư: Cơ quan kiểm tra là tổ chức đăng kiểm trực thuộc Cục Đăng kiểm Việt Nam thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho linh kiện, phương tiện giao thông đường sắt.
b) Có thể mở rộng ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện không?	Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/> Nêu rõ lý do: + Do đặc thù của ngành đường sắt là hoạt động trải dài trên phạm vi cả nước, số lượng phương tiện có nhu cầu cấp lại giấy chứng nhận hàng năm ít (khoảng 10 phương tiện). Nếu thực hiện xã hội hóa thì sẽ không thu hút được tổ chức, doanh nghiệp tham gia đầu tư vào hoạt động kiểm định phương tiện giao thông đường sắt vì không hiệu quả. Nếu thực hiện phân cấp, phân quyền cho địa phương thực hiện thì sẽ gây khó khăn cho địa phương, lãng phí nguồn lực cả về con người và cơ sở vật chất do tính chất chuyên môn đặc thù và sản lượng quá thấp..
8. Phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có)	
a) Có quy định về phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) không?	- Lệ phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu CÓ, nêu rõ lý do: - Phí: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Nếu CÓ, nêu rõ lý do:

	<p>- Chi phí khác: Không <input checked="" type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu CÓ, nêu rõ lý do:</p> <p>.....</p> <p>- Nêu rõ mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu được quy định tại dự án, dự thảo):</p> <p>+ Mức phí (hoặc đính kèm biểu phí): Không.</p> <p>+ Mức lệ phí (hoặc đính kèm biểu lệ phí): 50 000 VNĐ theo quy định của Thông tư số 199/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp giấy chứng nhận bảo đảm chất lượng, an toàn kỹ thuật đối với máy, linh kiện, phương tiện giao thông vận tải có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn.</p> <p>+ Mức chi phí khác (hoặc đính kèm biểu phí): Không</p> <p>+ Mức phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có phù hợp không: Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do: Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận chỉ phải trả lệ phí giấy chứng nhận theo quy định tại Thông tư số 199/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p> <p>- Nếu mức phí, lệ phí hoặc chi phí khác (nếu có) chưa được quy định tại dự án, dự thảo thì nêu rõ lý do: Đã được quy định tại Thông tư số 199/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p>
b) Quy định về cách thức, thời điểm nộp phí, lệ phí và các chi phí khác (nếu có) có hợp lý không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Nội dung quy định:</p> <p>Không</p> <p>Lý do chưa quy định:</p> <p>Đã được quy định tại Thông tư số 199/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.</p>
9. Mẫu đơn, tờ khai	
a) Có quy định về mẫu đơn, tờ khai không?	<p>Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Lý do:</p> <p>+ Để chuẩn hóa mẫu đơn, tờ khai dưới dạng e-form thực hiện qua cổng dịch vụ công.</p> <p>+ Bảo đảm xác thực các thông tin phục vụ trong công tác quản lý.</p>

b) Tên mẫu đơn, tờ khai 1: Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận	<p>- Nêu rõ những nội dung (nhóm) thông tin cần cung cấp trong mẫu đơn, tờ khai:</p> <p>+ Nội dung thông tin 1: Thông tin cơ bản về tổ chức đề nghị kiểm tra như: Tên tổ chức, người đại diện pháp luật, địa chỉ, mã số thuế, điện thoại, email.</p> <p>Lý do quy định: Cơ quan kiểm tra cần phải biết một số thông tin cơ bản trên của tổ chức đề nghị kiểm tra để có thể liên hệ và trả kết quả khi cần.</p> <p>+ Nội dung thông tin 2: Nội dung đề nghị và lý do cấp lại.</p> <p>Lý do quy định: Cơ quan kiểm tra cần phải biết nội dung đề nghị của tổ chức đề nghị chứng nhận và lý do cấp lại.</p> <p>- Có quy định việc xác nhận tại đơn, tờ khai không? Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/></p> <p>Nếu Có, nêu rõ nội dung xác nhận, người/cơ quan có thẩm quyền xác nhận:</p> <p>+ Công ty chúng tôi cam kết các nội dung khai báo nêu trên là sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung khai báo và vi phạm (nếu có) trước pháp luật. Người đại diện theo pháp luật xác nhận.</p> <p>Lý do quy định: Để bảo đảm xác thực các thông tin phục vụ trong công tác quản lý.</p>
c) Ngôn ngữ	<p>- Tiếng Việt <input checked="" type="checkbox"/> Song ngữ <input type="checkbox"/></p> <p>Nêu rõ loại song ngữ:</p> <p>Lý do quy định (trong trường hợp mẫu đơn song ngữ):</p>
10. Yêu cầu, điều kiện	
Có quy định yêu cầu, điều kiện không?	<p>Có <input type="checkbox"/> Không <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>Lý do quy định:</p>
11. Kết quả thực hiện	
a) Hình thức của kết quả thực hiện thủ tục hành chính là gì?	<p>- Giấy phép <input type="checkbox"/></p> <p>- Giấy chứng nhận <input checked="" type="checkbox"/></p> <p>- Giấy đăng ký <input type="checkbox"/></p> <p>- Chứng chỉ <input type="checkbox"/></p>

	- Thẻ <input type="checkbox"/> - Quyết định hành chính <input type="checkbox"/> - Văn bản xác nhận/chấp thuận <input type="checkbox"/> - Loại khác: <input type="checkbox"/> Đề nghị nêu rõ: Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản giấy <input checked="" type="checkbox"/> Bản điện tử <input checked="" type="checkbox"/>
b) Kết quả giải quyết thủ tục hành chính có được mẫu hóa phù hợp không?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Lý do: Mẫu giấy chứng nhận được quy định rõ tại Phụ lục VIII để thống nhất quản lý khi thực hiện thủ tục đăng kiểm trực tiếp hoặc trực tuyến (điện tử), liên thông trả kết quả cho khách hàng, cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan khác.
c) Quy định về thời hạn có giá trị hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Có <input checked="" type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> + Nếu CÓ, nêu thời hạn cụ thể: Hiệu lực giấy chứng nhận cấp lại do bị mất, hỏng được lấy theo hiệu lực của giấy chứng nhận đã cấp. + Nếu KHÔNG, nêu rõ lý do:
d) Quy định về phạm vi có hiệu lực của kết quả thực hiện thủ tục hành chính có hợp lý không (nếu có)?	Toàn quốc <input checked="" type="checkbox"/> Địa phương <input type="checkbox"/> Lý do: + Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường có hiệu lực đối với tất cả các phương tiện giao thông đường sắt trên phạm vi toàn quốc.
IV. THÔNG TIN LIÊN HỆ	
Họ và tên người điền: Lê Thiết Huân Điện thoại cố định: 0243. 7684715 (807); Di động: 097 334 8180 Email: huanvr@gmail.com	

CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, KHAI THÁC VẬN TẢI ĐƯỜNG SẮT THAY THẾ THÔNG TƯ SỐ 01/2024/TT-BGTVT NGÀY 26/01/2024 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ GTVT QUY ĐỊNH VỀ VIỆC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT VÀ THÔNG TƯ SỐ 20/2025/TT-BXD NGÀY 15/7/2025 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ XÂY DỰNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA CÁC THÔNG TƯ VỀ LĨNH VỰC KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PHƯƠNG TIỆN GIAO THÔNG ĐƯỜNG SẮT

BẢNG ỨNG DỤNG TÍNH TOÁN CHI PHÍ TUÂN THỦ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH				
CÔNG THỨC TỔNG QUÁT:				
CHI PHÍ TUÂN THỦ 01 TTHC	=	CHI PHÍ THỰC HIỆN CÁC CÔNG VIỆC CẦN THIẾT THEO QUY ĐỊNH ĐỂ CÓ KẾT QUẢ THỦ T?C HÀNH CHÍNH ?Ó	+	PHÍ, LỆ PHÍ VÀ CÁC CHI PHÍ KHÁC THEO QUY ĐỊNH
CHI PHÍ TUÂN THỦ 01 TTHC TRONG 1 NĂM	=	CHI PHÍ 01 TTHC X SỐ LẦN THỰC HIỆN THEO QUY ĐỊNH TRONG 01 NĂM	+	SỐ LƯỢNG ĐỐI TƯỢNG TUÂN THỦ TTHC TRONG 01 NĂM
CHI PHÍ THỰC HIỆN TỪNG CÔNG VIỆC	=	THỜI GIAN ĐI LẠI, LÀM ĐƠN, TỜ KHAI, TÀI LIỆU KHÁC X THU NHẬP BÌNH QUÂN 01 NGƯỜI/01 GIỜ LÀM VIỆC	+	CHI PHÍ TƯ VẤN, DỊCH VỤ (IN ÁN, SAO CHỤP, XÁC NHẬN, CÔNG CHỨNG, INTERNET...
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ				
Chi phí tuân thủ thủ tục hành chính: Là việc lượng hóa các chi phí mà cá nhân, tổ chức phải bỏ ra khi thực hiện thủ tục hành chính dự kiến ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung hoặc lượng hóa chi phí cắt giảm khi thủ tục hành chính được bãi bỏ.				
Xác định mức thu nhập bình quân 01 người 01 giờ làm việc (TNBQ)				
Mức thu nhập bình quân 01 người/01 Giờ làm việc	=	Tổng sản phẩm trong nước / Số dân x 12 tháng x 22 ngày làm việc x 08 giờ làm việc		
TNBQ	=	_____	=	45265 (đồng)
Tổng sản phẩm trong nước (theo thống kê từ trang http://www.gso.gov.vn của Tổng Cục Thống kê				

**TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật
và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt**

II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị kiểm tra	Viết đơn	0.2	43,750			1	4180	8,750	36,575,000	Đơn viết tay hoặc đánh máy
1.2	Bản khai thông tin linh kiện, phương tiện	Khai theo mẫu (bản giấy hoặc bản điện tử)	0.3	43,750			1	4180	13,125	54,862,500	
1.3	Báo cáo kết quả kiểm tra	Bản sao có giá trị pháp lý hoặc bản chính	24.0	43,750			1	4180	1,050,000	4,389,000,000	
1.4	Tài liệu kỹ thuật của linh kiện, phương tiện	Bản sao có giá trị pháp lý hoặc bản chính	0.0	43,750			1	4180	0	0	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	43,750			1	80	43,750	3,500,000	
		Bưu điện	1.0	43,750			1	80	43,750	3,500,000	Chuyển phát nhANH
		Internet	0.0	43,750			1	4,000	0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí						1		0	0	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
	khác										
3.1	Phí					1,200,000	1	4,180	1,200,000	5,016,000,000	
3.2	Lệ phí					50,000	1	4,180	50,000	209,000,000	
3.3	Chi phí khác						1		0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		24.0	43,750			1	4,180	1,050,000	4,389,000,000	
	Công việc khác (nếu có)		0.0	43,750			1	0	0	0	
	Nhận kết quả	Trực tiếp	0.5	43,750			1	2080	21,875	45,500,000	
5		Bưu điện	0.5	43,750			1	2080	21,875	45,500,000	Chuyển phát nhANH
6		Internet	0.0				1	4,000	0	0	Phí truy cập
		Khác					1		0	0	
	TỔNG				0	1,250,000			3,503,125	14,192,437,500	

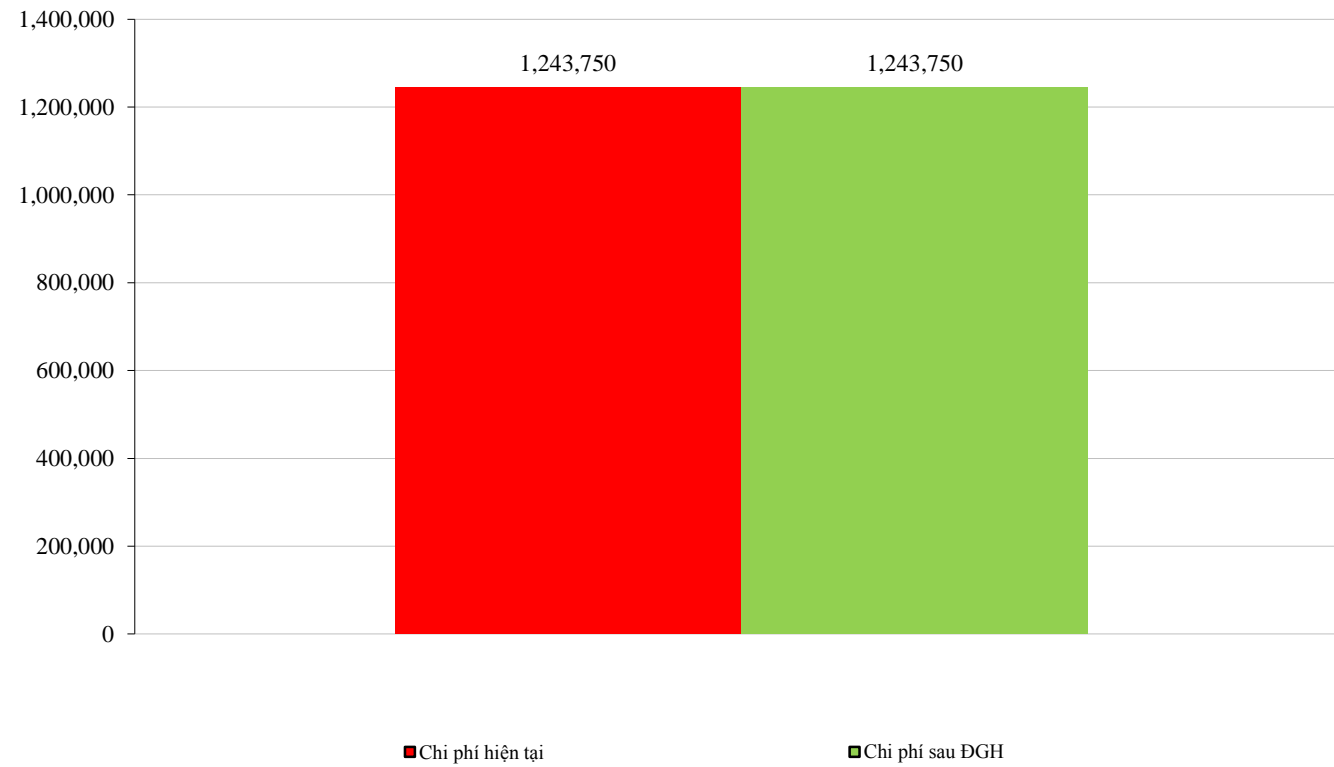
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị kiểm tra	Viết đơn	0.2	43,750			1	4080	8,750	35,700,000	Đơn viết tay hoặc đánh máy
1.2	Bản khai thông tin linh kiện, phương tiện	Khai theo mẫu (bản giấy hoặc bản điện tử)	0.3	43,750			1	4080	13,125	53,550,000	
1.3	Báo cáo kết quả kiểm tra	Bản sao có giá trị pháp lý hoặc bản chính	24.0	43,750			1	4080	1,050,000	4,284,000,000	
1.4	Tài liệu kỹ thuật của linh kiện, phương tiện	Bản sao có giá trị pháp lý hoặc bản chính	0.0	43,750			1	4080	0	0	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	43,750			1	40	43,750	1,750,000	
		Bưu điện	1.0	43,750			1	40	43,750	1,750,000	Chuyển phát nhanh
		Internet	0.0	43,750			1	4,000	0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác						1		0	0	

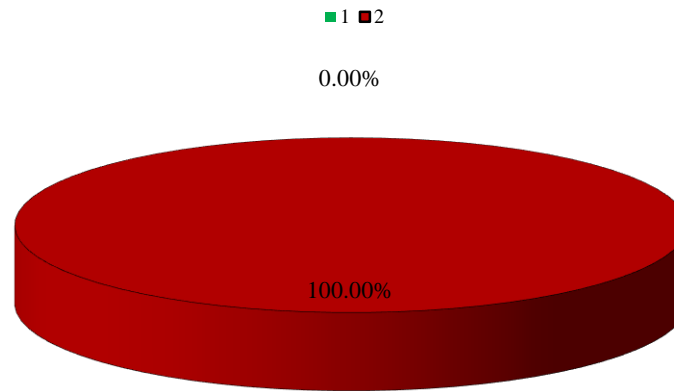
STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
3.1	Phí					1,200,000	1	4080	1,200,000	4,896,000,000	
3.2	Lệ phí					50,000	1	4080	50,000	204,000,000	
3.3	Chi phí khác						1		0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		14.0	43,750			1	4080	612,500	2,499,000,000	
	Công việc khác (nếu có)		0.0	43,750			1	0	0	0	
	Nhận kết quả	Trực tiếp	0.5	43,750			1	2040	21,875	44,625,000	
5		Bưu điện	0.5	43,750			1	2040	21,875	44,625,000	Chuyển phát nhANH
6		Internet	0.0				1	4080	0	0	Phí truy cập
		Khác					1		0	0	
	TỔNG				0	1,250,000			3,065,625	12,065,000,000	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Cấp lại giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt

I. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC HIỆN TẠI

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Giấy đề nghị kiểm tra	Viết đơn	0.2	43,750			1	10	8,750	87,500	Đơn viết tay hoặc đánh máy
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	43,750			1	10	43,750	437,500	
		Bưu điện	1.0	43,750			1	0	43,750	0	Chuyển

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
											phát nhanh
		Internet	0.0	43,750			1	10	0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác						1		0	0	
3.1	Phí					0	1	10	0	0	
3.2	Lệ phí					50,000	1	10	50,000	500,000	
3.3	Chi phí khác						1		0	0	
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		0	43,750			1	10	0	0	
5	Công việc khác (nếu có)		0.0	43,750			1	0	0	0	
6	Nhận kết quả	Trực tiếp	0.5	43,750			1	5	21,875	109,375	
		Bưu điện	0.5	43,750			1	5	21,875	109,375	Chuyển phát nhanh
		Internet	0.0	43,750			1	10	0	0	
		Khác					1		0	0	
	TỔNG				0	50,000			190,000	1,243,750	

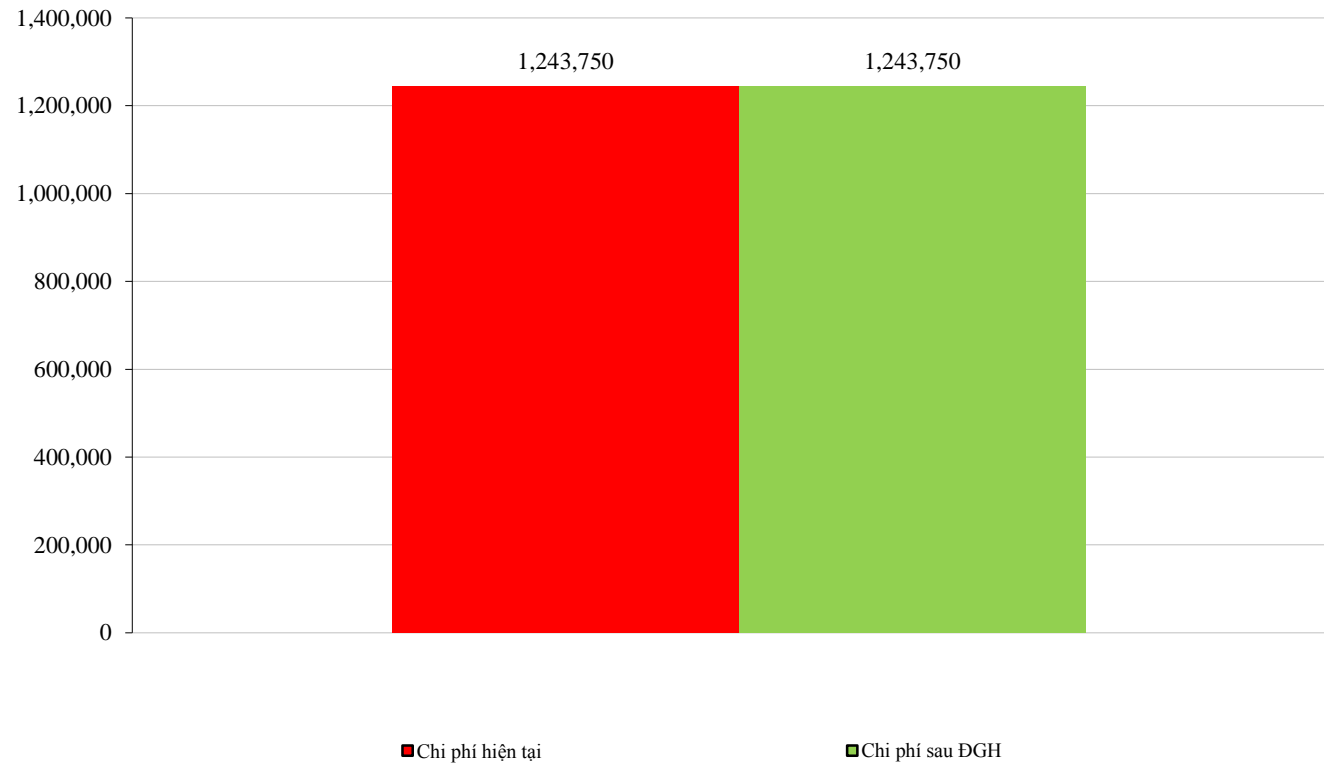
II. CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC SAU SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
1	Chuẩn bị hồ sơ										
1.1	Đơn đề nghị cấp lại giấy chứng nhận	Viết đơn	0.2	43,750			1	10	8,750	87,500	Đơn viết tay hoặc đánh máy
1.2	Bản sao Giấy chứng nhận trước khi bị mất, hỏng (nếu có)	Bản sao có giá trị pháp lý hoặc bản chính	0.0	43,750			1	10	0	0	
2	Nộp hồ sơ	Trực tiếp	1.0	43,750			1	10	43,750	437,500	
		Bưu điện	1.0	43,750			1	0	43,750	0	Chuyển phát nhanh
		Internet	0.0	43,750			1	10	0	0	
3	Nộp phí, lệ phí, chi phí khác						1		0	0	
3.1	Phí					0	1	10	0	0	
3.2	Lệ phí					50,000	1	10	50,000	500,000	
3.3	Chi phí khác						1		0	0	

STT	Các công việc khi thực hiện TTHC	Các hoạt động/ cách thức thực hiện cụ thể	Thời gian thực hiện (giờ)	Mức TNBQ/ 01 giờ làm việc (đồng)	Mức chi phí thuê tư vấn, dịch vụ (đồng)	Mức phí, lệ phí, chi phí khác (đồng)	Số lần thực hiện/ 01 năm	Số lượng đối tượng tuân thủ/01 năm	Chi phí thực hiện TTHC (đồng)	Tổng chi phí thực hiện TTHC/ 01 năm (đồng)	Ghi chú
4	Chuẩn bị, phục vụ việc kiểm tra, đánh giá của cơ quan có thẩm quyền (nếu có)		0	43,750			1	10	0	0	
	Công việc khác (nếu có)		0.0	43,750			1	0	0	0	
	Nhận kết quả	Trực tiếp	0.5	43,750			1	5	21,875	109,375	
5		Bưu điện	0.5	43,750			1	5	21,875	109,375	Chuyển phát nhanh
6		Internet	0.0	43,750			1	10	0	0	Phí truy cập
		Khác					1		0	0	
	TỔNG				0	50,000			190,000	1,243,750	

III. SO SÁNH CHI PHÍ

Chi phí tuân thủ TTHC hiện tại hoặc dự kiến ban hành mới và sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung



Chi phí tuân thủ TTHC còn lại (màu đỏ) và Chi phí tuân thủ TTHC cắt giảm được (màu xanh) sau đơn giản hóa hoặc dự kiến sửa đổi, bổ sung

